



Phụ lục 1

Danh sách thí sinh trúng tuyển hình thức xét tuyển theo chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng
Kỳ tuyển dụng công chức đợt 1 năm 2025 của Thanh tra Chính phủ
(Kèm theo Thông báo số .../TB-HĐTD ngày .../02/2026 của Hội đồng tuyển dụng)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh		Quê quán	Điểm văn đáp vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Nguyên vọng đăng ký	Đơn vị trúng tuyển
				Nam	Nữ						
1	XT102	Bùi Hữu	Phước	19/12/1998		Gia Phong, Ninh Bình	81	Không	81	NV1: Cục VI; NV2: Cục IX; NV3: Cục IV	Cục VI (NV1)
2	XT138	Sái Lê Hoàng	Tùng	28/8/2003		Thành phố Hải Phòng	78	Không	78	NV1: Cục IX; NV2: Cục VII; NV3: Cục X	Cục IX (NV1)
3	XT018	Nguyễn Ngọc	Bích		25/9/2002	Xã Nguyệt Đức, tỉnh Phú Thọ	72	Không	72	NV1: Cục X; NV2: Cục V; NV3: Cục IV	Cục X (NV1)
4	XT084	Lê Ái	Minh		27/10/2003	Xã Hùng Việt, tỉnh Phú Thọ	69	Không	69	NV1: Cục VIII	Cục VIII (NV1)

5	XT120	Nguyễn Phương	Thảo		21/02/2001	Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng	63	Người dân tộc thiểu số (+05 điểm)	68	NV1: Cục IX; NV2: Cục VI; NV3: Cục VII	Cục VII (NV3)
6	XT041	Hoàng Thu	Hà		21/9/1998	Phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng	61.5	Không	61.5	NV1: Vụ Pháp chế; NV2: Cục IV; NV3: Cục V	Vụ Pháp chế (NV1)
7	XT086	Nguyễn Kim	Ngân		12/11/2003	Tân An, tỉnh Bắc Ninh	58.5	Không	58.5	NV1: Vụ Pháp chế; NV2: Cục IV; NV3: Cục V	Cục IV (NV2)



Danh sách thí sinh trúng tuyển theo hình thức thi tuyển
Kỳ tuyển dụng công chức đợt 1 năm 2025 của Thanh tra Chính phủ
(Kèm theo Thông báo số .../TB-HĐTD ngày .../02/2026 của Hội đồng tuyển dụng)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Điểm bài thi viết (thang điểm 70)	Điểm bài thi phỏng vấn (thang điểm 30)	Tổng điểm thi vòng 2 (thang điểm 100)	Điểm ưu tiên	Điểm trúng tuyển	Đơn vị trúng tuyển
1	TT0349	Đinh Thị Thúy Hà	30/6/1979	Thành phố Hải Phòng	70	17	87	0	87	Cục IX
2	TT1146	Đinh Thị Thu	10/11/1997	Phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	65	19	84	0	84	Cục IX
3	TT0843	Nguyễn Trọng Nghĩa	3/9/1991	Xã Ái Quốc, tỉnh Hưng Yên	65	17	82	0	82	Cục VI
4	TT0046	Lê Trọng Anh	24/08/1994	Xuân Hồng, Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá	62	16	78	0	78	Cục I
5	TT0129	Phùng Gia Bách	11/11/2003	Tỉnh Phú Thọ	59	18.5	77.5	0	77.5	Vụ Tổ chức cán bộ
6	TT0234	Phan Lê Đồng	26/02/1985	Xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	57	19	76	0	76	Cục II
7	TT0069	Nguyễn Phương Anh	01/05/2004	Hợp Tiến, thành phố Hải Phòng	55	17.5	72.5	0	72.5	Cục V

8	TT0945	Nguyễn Thị Minh Phụng	25/5/1992	Chu Minh, Ba Vì, thành phố Hà Nội	53	17	70	0	70	Cục IX
9	TT0117	Vũ Thị Phương Anh	5/5/2001	Phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình	49	15.5	64.5	0	64.5	Cục VIII
10	TT0157	Nguyễn Hoàng Linh Chi	10/01/1997	Xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	38	21.5	59.5	0	59.5	Cục VI
11	TT0605	Nguyễn Cửu Đức Khánh	04/4/2002	Xã Triệu Cơ, tỉnh Quảng Trị	40	18	58	0	58	Vụ Pháp chế
12	TT0506	Đỗ Hữu Hùng	10/12/1997	Xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An	35	17.5	52.5	5	57.5	Ban Tiếp công dân TW
13	TT0976	Phạm Thị Hồng Quyên	22/6/1998	Xã Nam Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên	40	17	57	0	57	Cục V
14	TT0131	Lê Văn Bằng	18/02/1992	Tế Tiêu, Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	40	16.5	56.5	0	56.5	Cục XI
15	TT0539	Võ Trần Minh Hương	05/12/2000	Xã Thiên Nhân, tỉnh Nghệ An	36	20	56	0	56	Cục I
16	TT0060	Nguyễn Hải Anh	29/01/2003	Phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội	35	18	53	0	53	Cục VII
17	TT0212	Ngô Đình Đạt	20/01/2003	Xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	35	16	51	0	51	Cục VI
18	TT0102	Phan Thanh Nam Anh	25/10/1997	Phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng	35	15.75	50.75	0	50.75	Cục VII